

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HS-ST**
Ngày: 26-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 312/2020/TLST - HS ngày 29 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn C** (Tên gọi khác: Sói), sinh năm 1997 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: Ấp 5, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 06/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L. Vợ con chưa có.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 18/4/2019, bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 49/QĐ-TA. Ngày 26/3/2020 chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị bắt giam từ ngày 18/11/2020 đến nay.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc P** (Tên gọi khác: Phương), sinh năm 1983 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: Ấp 4, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 09/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Phật. Con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị V. Có chồng là Bạch Ngọc P (Đã ly hôn) có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Không có.

Bị giam giữ từ ngày 06/9/2020 đến nay.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T** (Tên gọi khác: T nhóc), sinh năm 1992 tại Cà Mau. Nơi đăng ký HKTT: Ấp TP, xã ĐH, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 03/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Thanh G và bà Trần Thị P. Vợ con chưa có.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 31/5/2015, bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/01/2018.

Bị bắt giam từ ngày 18/11/2020 đến nay.

4. Họ và tên: **Sú Vây B**, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký HKTT: Ấp TV, xã BH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Hoa. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Sú Sấn P và bà Lý Sy M (Đã chết). Vợ con chưa có.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 19/4/2019, bị Cơ quan CSĐT- Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai khởi tố về hành vi “Đánh bạc”; ngày 27/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tạm đình chỉ vụ án đối với bị can vì đã trốn khỏi địa phương.

Bị bắt giam từ ngày 10/9/2020 đến nay.

- **Bị hại:** Anh Bùi Văn C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp 5, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo và bị hại có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 04/9/2020, tại phòng trọ của Nguyễn Văn C ở ấp 5, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Văn C đang ngồi nói chuyện thì anh Bùi Văn C gọi điện thoại cho P, lúc này Nguyễn Văn C hỏi P ai gọi điện thì P nói là anh Bùi Văn C là người đang theo đuổi P,

gọi rủ P đi nhà nghỉ. Sau đó, P kể cho Nguyễn Văn C biết anh Bùi Văn C rất giàu, lúc nào trong người cũng có nhiều tiền. Nghe vậy, Nguyễn Văn C nảy sinh ý định cướp tài sản của anh Bùi Văn C nên nói P dẫn anh Bùi Văn C chạy xe đi vào đường bãi rác Mai Loan đến nhà nghỉ khu vực sân gôn thuộc khu phố 3, thị trấn TB nơi vắng người qua lại để Nguyễn Văn C chặn đường cướp tài sản của anh Bùi Văn C thì P đồng ý. Trong lúc P và Nguyễn Văn C đang bàn bạc về việc cướp tài sản của anh Bùi Văn C, Nguyễn Thanh T là bạn ở trọ cùng phòng với Nguyễn Văn C đi chơi về cũng nghe được nội dung P và Nguyễn Văn C bàn bạc, trao đổi. Nguyễn Văn C hỏi T có cùng tham gia cướp tài sản của anh Bùi Văn C thì T đồng ý.

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 05/9/2020, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển số 60H1 - 085.16 đi đến ngã tư Minh Sang thuộc khu phố 2, thị trấn TB để gặp anh Bùi Văn C, cùng lúc này Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô Exciter biển số 60B8-732.28 chở Nguyễn Thanh T đi theo sau. Khi gặp anh Bùi Văn C thì P chạy trước, anh Bùi Văn C điều khiển xe mô tô Airblade chưa có biển số chạy theo sau dọc đường Hùng Vương, sau đó cả hai cùng rẽ vào đường bãi rác Mai Loan thuộc khu phố 3, thị trấn TB. Khi vừa đi qua bãi rác Mai Loan, P và anh Bùi Văn C dừng lại bên lề đường để nói chuyện. Lúc này, Nguyễn Văn C và T dừng xe lại, T cầm cây gỗ (dùng để chống cây xanh ven đường), cả hai đi bộ đến gần chỗ anh Bùi Văn C và P, rồi đuổi đánh anh Bùi Văn C, anh Bùi Văn C bỏ chạy được 01 đoạn thì bị T đánh trúng người nên bị ngã, T lấy 01 bóp da của anh Bùi Văn C đưa cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C mở bóp lấy 01 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng bỏ vào túi quần rồi cả hai lên xe tẩu thoát. Khi chạy đến khu vực nghĩa địa Lò Than thuộc ấp 1, xã ST, huyện TB thì Nguyễn Văn C và T dừng lại đếm số tiền vừa cướp được của anh Bùi Văn C là 20.000.000 đồng rồi cả hai đến quán “Ốc Thịnh 30K” thuộc ấp LH, xã TH, huyện TB để nhậu. Sau đó, Nguyễn Văn C điện thoại hẹn gặp P ở quán “Ốc Thịnh 30K” để ăn tối và chia số tiền vừa cướp được.

Sau khi Nguyễn Văn C và T cướp tài sản của anh Bùi Văn C, P chạy xe đi về phòng trọ của mình tại khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB. Tại phòng trọ, P gặp Sú Vầy B là bạn trai đang ở chung phòng với P, P đã kể cho B nghe sự việc P và đồng phạm vừa cướp tài sản của anh Bùi Văn C. Lúc này, Nguyễn Văn C điện thoại hẹn gặp P ở quán “Ốc Thịnh 30K” thuộc ấp LH, xã TH, huyện TB. Sú Vầy B điều khiển xe Vision 60H1 - 085.16 chở P đến quán “Ốc Thịnh 30K” để gặp Nguyễn Văn C và T. Tại đây, Nguyễn Văn C, T, P trao đổi về việc T dùng cây gỗ đánh 01 cái vào người anh Bùi Văn C và cướp được số tiền 20.000.000 đồng, sau đó Nguyễn Văn C chia số tiền vừa cướp được cho P 6.000.000 đồng, chia cho T 7.000.000 đồng, còn lại Nguyễn Văn C được 7.000.000 đồng. Lúc này, T lấy 1.000.000 đồng trong số tiền được chia trả nợ cho P. Sú Vầy B ngồi nhậu cùng chứng kiến và biết được sự việc Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc P cướp tài sản của anh Bùi Văn C rồi chia nhau nhưng không tố giác đến cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi bị cướp tài sản, anh Bùi Văn C đã đến Công an thị trấn TB trình báo bị chiếm đoạt số tiền 43.000.000 đồng. Do bị thương nhẹ nên anh Bùi Văn C từ chối giám định thương tích.

Quá trình điều tra các bị cáo P, Cường, T chỉ khai nhận chiếm đoạt của anh Bùi Văn C số tiền 20.000.000 đồng, ngoài ra không có chứng cứ chứng minh các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Bùi Văn C số tiền 43.000.000 đồng như anh Cường trình báo.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô Vision, biển số 60H1 - 085.16, 01 điện thoại di động Oppo và số tiền 12.000.000 đồng do P giao nộp (Trong đó có 6.000.000 đồng là tiền được Nguyễn Văn C chia cho và 1.000.000 đồng là tiền Nguyễn Thanh T lấy từ số tiền cướp được trả nợ cho P).

+ 01 xe mô tô Exciter biển số 60B8-732.28 của bà Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn C mượn làm phương tiện đi lại.

+ Số tiền 7.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn C nộp thay cho Cường để khắc phục hậu quả.

+ Số tiền 1.000.000 đồng của bà Trần Thị P là mẹ của bị cáo Nguyễn Thanh T nộp thay cho T để khắc phục hậu quả.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS-TB ngày 28 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc P về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Sú Vây B về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc P phạm tội “Cướp tài sản”; bị cáo Sú Vây B phạm tội “Không tố giác tội phạm”

+ Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc P và Sú Vây B được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: bị cáo Nguyễn Văn C từ 05 năm đến 06 năm tù; bị cáo Nguyễn Thanh T từ 04 năm đến 05 năm tù; bị cáo Nguyễn Ngọc P từ 04 năm đến 05 năm tù;

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: bị cáo Nguyễn Văn C từ 05 năm đến 06 năm tù; bị cáo Nguyễn Thanh T từ 04 năm đến 05 năm tù; bị cáo Nguyễn Ngọc P từ 04 năm đến 05 năm tù; bị cáo Sứ Vây B từ 08 tháng đến 14 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

- Đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô Vision, biển số 60H1 - 085.16 và 01 điện thoại di động Oppo mà bị cáo Nguyễn Ngọc P đã sử dụng để làm phương tiện phạm tội.

- Đối với xe mô tô Exciter biển số 60B8-732.28 của bà Nguyễn Thị Liễu cho bị cáo Nguyễn Văn C mượn để làm phương tiện đi lại, bà Liễu không biết C sử dụng vào mục đích phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Liễu.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc P không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc P.

- Đối với cây gỗ bị cáo Nguyễn Thanh T sử dụng để đánh anh Bùi Văn C sau khi gây án T bỏ lại hiện trường, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với điện thoại di động của Nguyễn Văn C sử dụng để liên lạc với Nguyễn Ngọc P vào ngày gây án, trong quá trình bỏ trốn Nguyễn Văn C đã làm mất, không xác định được mất ở đâu nên không có căn cứ truy tìm để thu hồi.

Về dân sự: Anh Bùi Văn C yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho anh số tiền 43.000.000 đồng bị chiếm đoạt và số tiền 5.000.000 đồng chi phí điều trị thương tích, tiền thuốc. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ chứng minh được các bị cáo Cường, T, P chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc P đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn C đã tích cực tác động gia đình bồi thường số tiền 7.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thanh T đã tích cực tác động gia đình bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Hiện các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc P đã nộp số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường cho anh Bùi Văn C. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án tuyên trả cho anh Bùi Văn C đồng thời buộc bị cáo Nguyễn Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Các bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích, tiền thuốc cho anh Bùi Văn C theo quy định của pháp luật.

+ Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bị hại tranh luận yêu cầu các bị

cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 43.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng; biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Sau khi trao đổi bàn bạc và thống nhất với Nguyễn Văn C, vào khoảng 00 giờ 30 ngày 05/9/2020, bị cáo Nguyễn Ngọc P đã dẫn anh Bùi Văn C điều khiển xe mô tô đi vào khu vực đường bãi rác Mai Loan thuộc khu phố 3, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai nơi vắng người qua lại để giúp sức cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T dùng cây gỗ là phương tiện nguy hiểm (theo hướng dẫn tại mục 2 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) đánh anh Bùi Văn C, sau đó chiếm đoạt của anh Cường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi cướp tài sản của anh Bùi Văn C, Nguyễn Ngọc P kể cho Sú Vầy B được biết. Đồng thời, tại quán “Ốc Thịnh 30K” Sú Vầy B nghe Nguyễn Thanh T kể lại việc T dùng cây gỗ đánh anh Bùi Văn C để cướp 01 cái bóp da của anh Cường rồi đưa cho Nguyễn Văn C, bên trong bóp có 20 triệu đồng, sau đó chứng kiến Nguyễn Văn C chia tiền vừa cướp được cho P và T nhưng Sú Vầy B không tố giác hành vi phạm tội của Cường, T và P đến cơ quan có thẩm quyền.

Hành vi nêu trên của Sú Vầy B đã phạm vào tội “Không tố giác tội phạm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản của anh Bùi Văn C được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hành vi của bị cáo Sú Vầy B xâm phạm đến hoạt động tư pháp, gây khó khăn trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn vì không có sự phân công, bàn bạc.

Bị cáo Nguyễn Văn C có 01 tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, không tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà khởi xướng, rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản nên cần áp dụng mức hình phạt tù nặng hơn bị cáo P và bị cáo T. Bị cáo Nguyễn Thanh T có nhân thân xấu vừa mới được xóa án tích về tội cướp giật tài sản nhưng lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, ngoài ra bị cáo còn dùng cây gỗ là phương tiện nguy hiểm đánh vào người bị hại để cướp tài sản nên cần áp dụng mức hình phạt tù nặng hơn bị cáo P. Bị cáo Sú Vầy B phạm tội ít nghiêm trọng, là người dân tộc nên nhận thực pháp luật có phần bị hạn chế nhưng lại có nhân thân xấu vì bị khởi tố về hành vi “Đánh bạc” sau đó lại trốn khỏi địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt tù song nhẹ hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thanh T, Sú Vầy B đều thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Ngọc P có 02 con nhỏ, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Vision, biển số 60H1 - 085.16 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo mà bị cáo Nguyễn Ngọc P đã sử dụng để làm phương tiện phạm tội.

Đối với xe mô tô Exciter biển số 60B8-732.28 của bà Nguyễn Thị L cho bị cáo Nguyễn Văn C mượn để làm phương tiện đi lại, bà L không biết C sử dụng vào mục đích phạm tội. Đối với số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc P không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan điều tra Công an huyện TB đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với cây gỗ bị cáo Nguyễn Thanh T sử dụng để đánh anh Bùi Văn C sau khi gây án bị cáo T bỏ lại hiện trường; đối với điện thoại di động của Nguyễn Văn C sử dụng để liên lạc với Nguyễn Ngọc P vào ngày gây án, trong quá trình bỏ trốn Nguyễn Văn C đã làm mất, không xác định được mất ở đâu nên Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

[5.2] Về dân sự: Anh Bùi Văn C yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho anh số tiền 43.000.000 đồng bị chiếm đoạt và số tiền 5.000.000 đồng chi phí điều trị, tiền thuốc. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ chứng minh được các bị cáo Cường, T, P chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Bùi Văn C cũng không cung

cấp được thêm tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền anh bị các bị cáo chiếm đoạt là 43.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc P đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn C đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng và gia đình bị cáo Nguyễn Thanh T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh T đồng ý bồi thường cho anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là chi phí điều trị thương tích, tiền thuốc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589. Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Trả lại cho anh Bùi Văn C số tiền là 15.000.000 đồng mà các bị cáo đã tự nguyện giao nộp. Bị cáo Nguyễn Thanh T tiếp tục có nghĩa vụ bồi thường cho anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Các bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Phần nghĩa vụ liên đới của mỗi bị cáo là bằng nhau; mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.667.000 đồng (Một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp số tiền 333.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2020;

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2020;

3. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc P** phạm tội “ Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2020;

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo **Sú Vầy B** phạm tội “ Không tố giác tội phạm”.

Xử phạt bị cáo Sú Vầy B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2020;

5. Căn cứ Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Vision màu trắng, biển số 60H1 - 085.16 (xe có số máy: JF66E-1068637) và 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

+ Trả lại cho anh Bùi Văn C số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mà các bị cáo đã tự nguyện giao nộp. Bị cáo Nguyễn Thanh T tiếp tục có nghĩa vụ bồi thường cho anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

(Tiền, vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB theo Biên lai thu số 002758 ngày 28/12/2020 và biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/12/2020).

+ Các bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Bùi Văn C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Phần nghĩa vụ liên đới của mỗi bị cáo là bằng nhau; mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.667.000 đồng (Một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thanh T, Sú Vầy B mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp số tiền 333.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- NTG- CA huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS H. Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh